

Số: /BC-KTNS

Thanh Hóa, ngày tháng 5 năm 2026

BÁO CÁO

Thẩm tra dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định nội dung và mức chi cho các hoạt động khuyến công địa phương tỉnh Thanh Hóa

Sau khi nghiên cứu dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định nội dung và mức chi cho các hoạt động khuyến công địa phương tỉnh Thanh Hóa kèm theo Tờ trình số 47/TTr-UBND ngày 08/5/2026 của UBND tỉnh; Ban Kinh tế - Ngân sách báo cáo HĐND tỉnh kết quả thẩm tra như sau:

I. CƠ SỞ CHÍNH TRỊ, PHÁP LÝ VÀ THỰC TIỄN

1. Cơ sở chính trị

Ban Thường vụ Tỉnh ủy có Kết luận số 351-KL/TU ngày 04/5/2026 về Tờ trình số 272-TTr/ĐU ngày 20/4/2026 của Ban Thường vụ Đảng ủy UBND tỉnh xin ý kiến đối với nội dung trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết quy định nội dung và mức chi cho các hoạt động khuyến công địa phương tỉnh Thanh Hóa. Trên cơ sở đó, Ban Thường vụ Đảng ủy UBND tỉnh đã lãnh đạo UBND tỉnh rà soát, hoàn chỉnh, trình HĐND tỉnh xem xét, thông qua.

2. Cơ sở pháp lý

- Điểm b khoản 1 Điều 21 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15, quy định: HĐND cấp tỉnh ban hành nghị quyết để quy định “*Chính sách, biện pháp nhằm bảo đảm thi hành Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên*”.

Khoản 2 Điều 9 Thông tư số 28/2018/TT-BTC của Bộ Trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công quy định: “*Căn cứ vào tình hình thực tế, khả năng ngân sách địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quy định các nội dung và mức hỗ trợ khác ngoài các nội dung quy định tại Thông tư này phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương*”.

- Khoản 1 Điều 1 Thông tư số 64/2024/TT-BTC ngày 28/8/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2018/TT-BTC ngày 28/3/2018 quy định: “*Căn cứ quy định tại Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21/5/2012 của Chính phủ về khuyến công và mức hỗ trợ hướng dẫn tại Thông tư này, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng mức chi cụ thể cho các hoạt động khuyến công địa phương trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định phù hợp với khả năng cân đối ngân sách địa phương*”.

3. Cơ sở thực tiễn

Căn cứ Nghị định số 235/2025/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP về khuyến công; theo đó, một số

nội dung của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ. Do đó, Quyết định số 05/2021/QĐ-UBND ngày 05/4/2021 của UBND tỉnh không còn phù hợp với quy định hiện hành; vì vậy, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 3827/QĐ-UBND ngày 08/12/2025 bãi bỏ toàn bộ Quyết định số 05/2021/QĐ-UBND.

Ban Kinh tế - Ngân sách thống nhất với đề nghị của UBND tỉnh về việc ban hành Nghị quyết quy định nội dung và mức chi cho các hoạt động khuyến công địa phương tỉnh Thanh Hóa là có cơ sở chính trị, pháp lý và thực tiễn; phù hợp với thẩm quyền của HĐND tỉnh và cần thiết nhằm tạo cơ sở pháp lý đầy đủ, thống nhất cho việc lập dự toán, phân bổ, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí khuyến công địa phương.

II. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC TRÌNH XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

Ban Kinh tế - Ngân sách nhận thấy, trên cơ sở đề nghị của UBND tỉnh tại Tờ trình số 279/TTr-UBND ngày 12/12/2025, Thường trực HĐND tỉnh đã có Công văn số 1558/HĐND-TT đồng ý tiếp nhận việc đăng ký xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định nội dung và mức chi cho các hoạt động khuyến công địa phương tỉnh Thanh Hóa, UBND tỉnh đã chỉ đạo cơ quan chuyên môn tham mưu xây dựng dự thảo Nghị quyết theo đúng trình tự, thủ tục quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Tuy nhiên, về tiến độ xây dựng, trình ban hành Nghị quyết còn chậm so với thời gian theo hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Tài chính tại khoản 2 Điều 2 Thông tư số 64/2024/TT-BTC ngày 28/8/2024.

III. NỘI DUNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Ban Kinh tế - Ngân sách cơ bản thống nhất với nội dung dự thảo Nghị quyết kèm theo Tờ trình số 47/TTr-UBND của UBND tỉnh. Tuy nhiên, Ban Kinh tế - Ngân sách nhận thấy có một số quy định tại dự thảo Nghị quyết có thể dẫn đến nhiều cách hiểu khác nhau, dễ phát sinh việc áp dụng tùy nghi trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện sau khi dự thảo Nghị quyết được thông qua, cụ thể như sau:

- Tại khoản 4 Điều 3 Quy định kèm theo dự thảo Nghị quyết quy định: *“Chi hỗ trợ ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến, chuyển giao công nghệ, tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, tổng mức chi phí đầu tư từ 200 triệu đồng trở lên. Mức hỗ trợ 50% tổng chi phí, nhưng không quá 300 triệu đồng/cơ sở. **Trường hợp chi hỗ trợ dây chuyền công nghệ thì mức hỗ trợ bằng 1,5 lần mức hỗ trợ ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến, chuyển giao công nghệ, tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp**”*. Với quy định như trên có thể được hiểu rằng mức hỗ trợ đối với dây chuyền công nghệ là 75% tổng chi phí và tối đa không quá 450 triệu đồng/cơ sở. Tuy nhiên, việc quy định 1,5 lần mức hỗ trợ chỉ nhằm nâng mức hỗ trợ tối đa từ 300 triệu đồng lên 450 triệu đồng/cơ sở, còn tỷ lệ hỗ trợ vẫn là 50% tổng chi phí. Do đó Ban Kinh tế - Ngân sách đề nghị chỉnh sửa lại để tránh cách hiểu khác nhau trong quá trình triển khai thực hiện, cụ thể thành: *“Chi hỗ trợ ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến, chuyển giao công nghệ, tiến bộ khoa học kỹ*

thuật vào sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, tổng mức chi phí đầu tư từ 200 triệu đồng trở lên, mức hỗ trợ 50% tổng chi phí nhưng không quá 300 triệu đồng/cơ sở; Chi hỗ trợ ứng dụng dây chuyền công nghệ tiên tiến, tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, mức hỗ trợ 50% tổng chi phí, nhưng không quá 450 triệu đồng/cơ sở”.

- Tại thứ 2 khoản 5 Điều 3 Quy định kèm theo dự thảo Nghị quyết quy định: *“Trường hợp các cơ sở công nghiệp nông thôn tham gia hội chợ, triển lãm khác trong nước. Mức hỗ trợ 80% giá thuê gian hàng và hỗ trợ chi phí vận chuyển, mức hỗ trợ không quá 20 triệu đồng/cơ sở/01 lượt tham dự”.* Với nội dung quy định như trên có thể được hiểu rằng mức hỗ trợ chi phí vận chuyển được áp dụng theo mức khoán tối đa 20 triệu đồng/cơ sở/01 lượt tham dự, kể cả trong trường hợp chi phí vận chuyển thực tế thấp hơn mức này. Để tránh cách hiểu chưa thống nhất và bảo đảm phù hợp nguyên tắc hỗ trợ theo chi phí thực tế phát sinh, Ban Kinh tế - Ngân sách đề nghị chỉnh sửa theo hướng quy định rõ mức hỗ trợ chi phí vận chuyển theo thực tế, nhưng tối đa không quá 20 triệu đồng/cơ sở/01 lượt tham dự, cụ thể thành: *“Trường hợp các cơ sở công nghiệp nông thôn tham gia hội chợ, triển lãm khác trong nước, mức hỗ trợ 80% giá thuê gian hàng; hỗ trợ 100% chi phí vận chuyển nhưng không quá 20 triệu đồng/cơ sở/01 lượt tham dự”.*

- Tại khoản 6 Điều 3 Quy định kèm theo dự thảo Nghị quyết quy định: *“Chi hỗ trợ cho các cơ sở công nghiệp nông thôn đi tham gia khảo sát, học tập kinh nghiệm tại nước ngoài. Số người được hỗ trợ theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền. Mức hỗ trợ 100% chi phí vé máy bay”.* Với nội dung quy định trên, trong trường hợp các cơ sở công nghiệp nông thôn mua vé hạng ghế thương gia hoặc hạng ghế khác có giá trị cao hơn hạng ghế phổ thông thì ngân sách nhà nước vẫn hỗ trợ 100% chi phí mua vé theo thực tế phát sinh. Để đảm bảo chính sách có tính chất khuyến khích, hỗ trợ đúng đối tượng có nhu cầu chính đáng, Ban Kinh tế - Ngân sách đề nghị chỉnh sửa chỉ hỗ trợ 100% chi phí vé máy bay hạng ghế phổ thông, cụ thể thành: *“Chi hỗ trợ cho các cơ sở công nghiệp nông thôn đi tham gia khảo sát, học tập kinh nghiệm tại nước ngoài, mức hỗ trợ 100% chi phí vé máy bay hạng phổ thông. Số người được hỗ trợ theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền”.*

Sau khi làm việc với Sở Công thương, là cơ quan chuyên môn chủ trì tham mưu, xây dựng dự thảo Nghị quyết, Sở Công thương đã thống nhất với các nội dung thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách tại Công văn số 1610/SCT-TTXXCT ngày 22/5/2026 về việc làm rõ một số nội dung trong dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định nội dung và mức chi cho các hoạt động khuyến công địa phương tỉnh Thanh Hóa.

2. Một số nội dung cần lưu ý trong quá trình tổ chức thực hiện

Để việc triển khai thực hiện Nghị quyết sau khi được HĐND tỉnh thông qua bảo đảm chặt chẽ, hiệu quả, đúng đối tượng, đúng nội dung hỗ trợ, phát huy hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước, Ban Kinh tế - Ngân sách đề nghị UBND tỉnh quan tâm chỉ đạo một số nội dung sau:

- Đối với các nội dung hỗ trợ như: Tham gia triển lãm, hội chợ; tổ chức bình chọn, cấp giấy chứng nhận sản phẩm công nghệ nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh; xây dựng và đăng ký nhãn hiệu đối với sản phẩm công nghiệp nông thôn cần có quy trình xét chọn minh bạch; tránh trùng lặp với các chương trình xúc tiến thương mại, phát triển làng nghề, chương trình OCOP, hỗ trợ phát triển doanh nghiệp, hỗ trợ phát triển hợp tác xã...

- Đối với việc chi hỗ trợ vé máy bay hạng phổ thông cho các cơ sở công nghiệp nông thôn đi tham gia khảo sát, học tập kinh nghiệm tại nước ngoài, trước khi duyệt cần làm rõ mục tiêu; địa điểm, nội dung khảo sát phù hợp với ngành nghề, lĩnh vực sản xuất; người được hỗ trợ; đồng thời cần có yêu cầu báo cáo đánh giá kết quả sau chuyến công tác và khả năng áp dụng vào thực tiễn... một cách hiệu quả, tiết kiệm trong bối cảnh hiện nay Thủ tướng Chính phủ đang chỉ đạo tăng cường tiết kiệm các khoản chi thường xuyên chưa thực sự cần thiết trong đó có chi cho hội nghị, hội thảo, đoàn ra, đi công tác nước ngoài.

IV. KIẾN NGHỊ

Ban Kinh tế - Ngân sách kính đề nghị HĐND tỉnh thông qua Nghị quyết quy định nội dung và mức chi cho các hoạt động khuyến công địa phương tỉnh Thanh Hóa.

(Có dự thảo Nghị quyết đã được hoàn thiện kèm theo).

Ban Kinh tế - Ngân sách kính trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, KTNS.

**TM. BAN KINH TẾ - NGÂN SÁCH
TRƯỞNG BAN**

Hoàng Anh Tuấn

Số: /2026/NQ-HĐND

Thanh Hóa, ngày 27 tháng 5 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

**Quy định nội dung và mức chi cho các hoạt động
khuyến công địa phương tỉnh Thanh Hóa**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 45/2012/NĐ-CP về khuyến công được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 235/2025/NĐ-CP; số 78/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP của Chính phủ; số 73/2026/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 46/2012/TT-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP của Chính phủ về khuyến công được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 20/2017/TT-BCT;

Căn cứ Thông tư số 28/2018/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính về hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 64/2024/TT-BTC;

Xét Tờ trình số 47/TTr-UBND ngày 08 tháng 5 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành Nghị quyết quy định nội dung và mức chi cho các hoạt động khuyến công địa phương tỉnh Thanh Hóa; Báo cáo thẩm tra số .../BC-KTNS ngày ... tháng 5 năm 2026 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại Kỳ họp.

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết Quy định nội dung và mức chi cho các hoạt động khuyến công địa phương tỉnh Thanh Hóa.

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định nội dung và mức chi cho các hoạt động khuyến công địa phương tỉnh Thanh Hóa.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ Nghị quyết này và các quy định của pháp luật, tổ chức triển khai thực hiện.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ của mình, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Điều khoản thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 06 tháng 6 năm 2026.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa khóa XIX, Kỳ họp thứ 2 thông qua ngày 27 tháng 5 năm 2026.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các bộ: Tài chính, Công Thương;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh và đoàn thể cấp tỉnh;
- Các VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- TTr HĐND, UBND các xã, phường;
- Công báo tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử của Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Báo và PTTH Thanh Hóa;
- Lưu: VT, KTNS.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Hồng Phong

QUY ĐỊNH

**Nội dung và mức chi cho các hoạt động
khuyến công địa phương tỉnh Thanh Hóa**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2026/NQ-HĐND
ngày 27 tháng 5 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định về nội dung và mức chi cho các hoạt động khuyến công địa phương tỉnh Thanh Hóa.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Doanh nghiệp nhỏ và vừa, tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, hộ kinh doanh trực tiếp đầu tư, sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp tại các xã, phường; các làng nghề được Ủy ban nhân dân tỉnh công nhận (sau đây gọi chung là cơ sở công nghiệp nông thôn).

2. Cơ sở sản xuất công nghiệp áp dụng sản xuất sạch hơn, sản xuất và tiêu dùng bền vững; doanh nghiệp, hợp tác xã là chủ đầu tư xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp.

3. Nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú trong lĩnh vực nghề thủ công mỹ nghệ.

4. Tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài tham gia công tác quản lý, thực hiện các hoạt động dịch vụ khuyến công.

Điều 3. Nội dung và mức chi cho các hoạt động khuyến công địa phương tỉnh Thanh Hóa

1. Mức chi chung của hoạt động khuyến công địa phương thực hiện theo quy định tại Điều 7 Thông tư số 28/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công và các văn bản hiện hành của Nhà nước.

2. Chi hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật:

a) Mô hình trình diễn để phổ biến công nghệ mới hoặc sản xuất sản phẩm mới, bao gồm các khoản chi phí: Xây dựng, mua máy móc thiết bị; hoàn chỉnh tài liệu về quy trình công nghệ, quy trình sản xuất, phục vụ cho việc trình diễn kỹ thuật, tổng mức chi phí đầu tư dự án từ 3.000 triệu đồng trở lên. Mức hỗ trợ 30% tổng chi phí, nhưng không quá 1.000 triệu đồng/mô hình.

b) Mô hình của các cơ sở công nghiệp nông thôn đang hoạt động có hiệu quả cần phổ biến tuyên truyền, nhân rộng để các tổ chức, cá nhân khác học tập, bao gồm các chi phí: Hoàn chỉnh tài liệu về quy trình công nghệ; hoàn thiện quy

trình sản xuất, phục vụ cho việc trình diễn kỹ thuật. Mức hỗ trợ 100% chi phí, nhưng không quá 100 triệu đồng/mô hình.

3. Chi hỗ trợ xây dựng mô hình thí điểm về áp dụng sản xuất sạch hơn, sản xuất và tiêu dùng bền vững; sử dụng năng lượng hiệu quả trong công nghiệp cho các cơ sở sản xuất công nghiệp; bao gồm các chi phí: Thay thế nguyên, nhiên, vật liệu; đổi mới máy móc thiết bị, dây chuyền công nghệ; đầu tư ứng dụng công nghệ năng lượng tái tạo; đào tạo nâng cao năng lực quản lý; đào tạo nâng cao trình độ tay nghề công nhân; tiêu thụ sản phẩm; hoàn chỉnh tài liệu về quy trình công nghệ, quy trình sản xuất phục vụ cho việc trình diễn kỹ thuật. Mức hỗ trợ 30% tổng chi phí, nhưng không quá 500 triệu đồng/mô hình.

4. Chi hỗ trợ ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến, chuyển giao công nghệ, tiên bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, tổng mức chi phí đầu tư từ 200 triệu đồng trở lên, mức hỗ trợ 50% tổng chi phí nhưng không quá 300 triệu đồng/cơ sở; Chi hỗ trợ ứng dụng dây chuyền công nghệ tiên tiến, tiên bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, mức hỗ trợ 50% tổng chi phí, nhưng không quá 450 triệu đồng/cơ sở.

5. Chi hỗ trợ tổ chức hội chợ triển lãm hàng công nghiệp nông thôn, hàng thủ công mỹ nghệ trong nước, bao gồm: Thuê gian hàng, chi thông tin tuyên truyền và chi hoạt động của Ban tổ chức hội chợ triển lãm trên cơ sở giá đấu thầu hoặc trường hợp không đủ điều kiện đấu thầu thì theo giá được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Mức hỗ trợ 100% các khoản chi phí.

Trường hợp các cơ sở công nghiệp nông thôn tham gia hội chợ, triển lãm khác trong nước, mức hỗ trợ 80% giá thuê gian hàng; hỗ trợ 100% chi phí vận chuyển nhưng không quá 20 triệu đồng/cơ sở/01 lượt tham dự.

Đối với Đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện nhiệm vụ khuyến công trực tiếp tham gia hội chợ triển lãm trong nước, bao gồm: Thuê gian hàng, chi phí thiết kế và dàn dựng trang trí gian hàng, chi phí vận chuyển hàng hóa, chi thông tin tuyên truyền, chi cho cán bộ quản lý tham gia hội chợ và các chi phí khác liên quan. Mức hỗ trợ 100% các khoản chi phí.

6. Chi hỗ trợ cho các cơ sở công nghiệp nông thôn đi tham gia khảo sát, học tập kinh nghiệm tại nước ngoài, mức hỗ trợ 100% chi phí vé máy bay hạng phổ thông. Số người được hỗ trợ theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

7. Chi tổ chức bình chọn, trao Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh theo kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Mức hỗ trợ 100% chi phí, nhưng không quá 200 triệu đồng/cuộc bình chọn.

Chi thưởng cho sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh được bình chọn. Mức chi 05 triệu đồng/sản phẩm đạt giải.

8. Chi hỗ trợ xây dựng và đăng ký nhãn hiệu đối với các sản phẩm công nghiệp nông thôn. Mức hỗ trợ 100% chi phí, nhưng không quá 35 triệu đồng/nhãn hiệu.

9. Chi hỗ trợ thuê tư vấn, trợ giúp các cơ sở công nghiệp nông thôn trong các lĩnh vực: Lập dự án đầu tư; marketing; quản lý sản xuất, tài chính, kế toán, nhân lực; thiết kế mẫu mã, bao bì đóng gói; ứng dụng công nghệ, thiết bị mới. Mức hỗ trợ 50% chi phí, nhưng không quá 35 triệu đồng/cơ sở.

10. Chi xây dựng các chương trình truyền hình, truyền thanh; xuất bản các bản tin ấn phẩm; tờ rơi, tờ gấp và các hình thức thông tin đại chúng khác. Mức chi thực hiện theo hình thức hợp đồng với cơ quan tuyên truyền và cơ quan thông tin đại chúng theo phương thức đấu thầu, trường hợp đặt hàng giao nhiệm vụ thực hiện theo đơn giá được cấp thẩm quyền phê duyệt.

11. Chi tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn, đào tạo:

a) Chi đào tạo nâng cao tay nghề cho người lao động áp dụng theo Thông tư số 152/2016/TT-BTC ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 03 tháng (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 40/2019/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 152/2016/TT-BTC ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 03 tháng);

b) Chi đào tạo thợ giỏi, nghệ nhân tiêu thủ công nghiệp để duy trì, phát triển nghề và hình thành đội ngũ giảng viên phục vụ chương trình đào tạo nghề, nâng cao tay nghề, truyền nghề ở nông thôn. Mức chi theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

12. Chi thù lao cho Cộng tác viên khuyến công: Mức chi thù lao cho Cộng tác viên khuyến công bằng 1,0 lần mức lương cơ sở/người/tháng.

13. Chi hỗ trợ các phòng trưng bày để lập hồ sơ lưu trữ, giới thiệu, quảng bá sản phẩm tại Đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện nhiệm vụ khuyến công và các cơ sở công nghiệp nông thôn:

a) Đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện nhiệm vụ khuyến công: Chi phí mua sắm ban đầu trang thiết bị, dụng cụ giới thiệu, dụng cụ quản lý dùng để lưu trữ, trưng bày. Mức hỗ trợ 100% chi phí, nhưng không quá 500 triệu đồng/phòng trưng bày;

b) Cơ sở công nghiệp nông thôn có sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp khu vực: Chi phí mua sắm ban đầu trang thiết bị, dụng cụ quản lý dùng để trưng bày. Mức hỗ trợ 100% chi phí, nhưng không quá 70 triệu đồng/phòng trưng bày;

c) Cơ sở công nghiệp nông thôn có sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh: Chi phí mua sắm ban đầu trang thiết bị, dụng cụ quản lý dùng để trưng bày. Mức hỗ trợ 100% chi phí, nhưng không quá 50 triệu đồng/phòng trưng bày.

14. Chi quản lý chương trình đề án khuyến công

a) Cơ quan quản lý kinh phí khuyến công được sử dụng 1,5% kinh phí khuyến công địa phương do cấp có thẩm quyền giao hằng năm để hỗ trợ xây dựng các chương trình, đề án, kiểm tra, giám sát, chi khác (nếu có);

b) Đối với Đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện nhiệm vụ khuyến công: Đơn vị triển khai thực hiện đề án khuyến công được chi 3% dự toán đề án khuyến công (riêng đề án ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn theo quy định của Chính phủ được chi 4%) để chi công tác quản lý, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, chi khác (nếu có).

Điều 4. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Ngân sách cấp tỉnh bảo đảm kinh phí thực hiện cho các hoạt động khuyến công do Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý, tổ chức thực hiện.

2. Ngân sách cấp xã đảm bảo kinh phí thực hiện cho các hoạt động khuyến công do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý, tổ chức thực hiện.

3. Nguồn tài chính hợp pháp khác, lồng ghép các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia và các Chương trình phát triển kinh tế - xã hội khác để thực hiện mục tiêu hoạt động khuyến công (nếu có).